**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)***

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

***(Quý 1/2022)***

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

 Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. **Mục tiêu của Quỹ:**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

|  |  |
| --- | --- |
| NAV ngày 31/03/2021 (VNĐ) | NAV ngày 31/03/2022 (VNĐ) |
| 109.511.565.627 | 113.309.776.587 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 3,47% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

1. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |
| --- | --- |
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 100.054.272.100 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 10.005.427,21 |

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.005.427,21 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.054.272.100 VNĐ.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/03/2022****(%)** | **31/03/2021****(%)** | **31/03/2020****(%)** |
| 1. Trái phiếu chưa niêm yết
 | 8,80 |  |  |
| 1. Tiền gửi ngân hàng
 | 3,18 | 1,55 | 1,19 |
| 1. Các khoản tương đương tiền
 | 0 | 0 | 0 |
| 1. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng
 | 85,19 | 80,91 | 85,71 |
| 1. Chứng chỉ tiền gửi
 | 0 | 13,67 | 9,52 |
| 1. Khác
 | 2,84 | 3,88 | 3,58 |
| Cộng | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2022** | **31/03/2021** | **31/03/2020** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)  | 113.309.776.587 | 109.511.565.627 | 104.656.121.822 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 10.005.427,21 | 10.032.968,19 | 10.057.399,09 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 11.324,83 | 10.915,17 | 10.405,88 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 11.324,83 | 10.915,17 | 10.405,88 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 11.227,64 | 10.805,78 | 10.276,01 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước. | 3,74 | 4,89 | 6,36 |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước. | 3,74 | 4,89 | 6,36 |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,00 | 2,04 | 2,06 |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 0 | 27,52 | 0 |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 3,75 | 3,75 |
| - 3 năm | 8,83 | 4,32 |
| - Từ khi thành lập | 13,25 | 4,24 |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 17,54% (\*\*\*) | -1,28% |

1. **Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/03/2022****(%)** | **31/03/2021****(%)** | **31/03/2020****(%)** | **31/03/2019****(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 3,74 | 4,89 | 6,36 | N/A |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (\*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*N/A (\*\*): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.*

*(\*\*\*): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.*

**III.** **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

1. **Kinh tế Vĩ mô:**

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP)**

Tiếp đà hồi phục của Quý 4/2021 sau khi chính phủ mở cửa lại nền kinh tế, mặc dù vẫn còn đó những khó khăn khi đại dịch vẫn đang “đeo bám” cuộc sống người dân và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhờ nhu cầu tiêu dùng phục hồi, hoạt động sản xuất đẩy mạnh cùng các chính sách kích thích kinh tế của chính phủ và ngân hàng trung ương, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục quỹ đạo hồi phục và ghi nhận mức tăng trưởng GDP đạt 5,03% trong Quý 1 năm nay. Trong đó:

* Nông nghiệp tăng trưởng ổn định ở mức thấp: Quý 1 năm nay, tăng trưởng nông lâm ngư nghiệp đạt 2,45%, giảm nhẹ so với mức 3,16% của Quý 4/2021.
* Khối công nghiệp vẫn đang là đầu tầu dẫn dắt tăng trưởng: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 7,79%.
* Dịch vụ vẫn chưa có sức bật: mức tăng trưởng chung của toàn ngành trong Quý 1 đạt 4,58%, vẫn thấp hơn mức tăng 5,42% của Quý trước đó.



**Lạm phát**

Quý 1/2022, kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Trong nước, kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng trong điều kiện bình thường mới, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với tác động của giá hàng hóa thế giới đã đẩy giá một số hàng hóa tăng lên nhưng nhìn chung mặt bằng giá vẫn cơ bản được kiểm soát tốt. Chỉ số giá tiêu dùng Quý 1/2022 tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn mức tăng 0,29% của Quý 1/2021 nhưng thấp hơn mức tăng của Quý 1 các năm 2017-2020. Mặc dù vậy, áp lực lên lạm phát dự kiến sẽ tăng mạnh trong thời gian tới do (1) giá xăng dầu tăng cao, (2) nhu cầu tiêu dùng hàng hóa dịch vụ tăng mạnh sau khi dịch covid được khống chế và (3) ảnh hưởng là các mặt hàng nguyên liệu thô đã tăng mạnh trong thời gian qua



**Hoạt động sản xuất**

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đã giảm từ 54,3 điểm của tháng 2 xuống còn 51,7 điểm trong tháng 3. Đây là mức thấp kể từ khi chính phủ mở cửa nền kinh tế trở lại vào cuối tháng 9, đầu tháng 10 năm ngoái. Nguyên nhân là do mức độ trầm trọng của làn sóng đại dịch Covid-19 mới nhất và những lo lắng về áp lực lạm phát đã làm giảm kỳ vọng về tương lai. Mặc dầu vậy, các công ty trong khảo sát vẫn lạc quan rằng sản lượng sẽ tăng trong năm tới dựa trên hy vọng rằng đại dịch sẽ suy yếu và số lượng đơn đặt hàng mới sẽ tăng.

**Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá**

Cán cân thương mại sau khi thâm hụt gần 2 tỷ USD trong tháng 2 thì đã lấy lại được mức thặng dư trong tháng 3, với giá trị ước tính khoảng 1,4 tỷ USD. Lũy kế Quý 1, cán cân thương mại cả nước thặng dư hơn 800 triệu USD, giảm mạnh so với mức thặng dư gần 7 tỷ USD trong Quý 4/2021. Nhìn chung, hoạt động xuất nhập khẩu có sự hồi phục tốt sau khi nền kinh tế mở cửa trở lại vào Quý 4 năm ngoái nhưng đang trong trạng thái duy trì ổn định chứ chưa thực sự bứt phá.Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu Quý 1/2022 ước đạt 88,58 tỷ USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 23,27 tỷ USD, tăng 22%, chiếm 26,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 65,31 tỷ USD, tăng 10%, chiếm 73,7%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa Quý 1/2022 ước đạt 87,77 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 29,43 tỷ USD, tăng 13,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 58,34 tỷ USD, tăng 17,1%.

**Hoạt động đầu tư**

Vốn FDI thực giải ngân vào Việt Nam vẫn tương đối khả quan, đạt 4,42 tỷ trong Quý 1 (mức cao nhất trong 5 năm qua trong Quý 1), tăng 7,8% so với cùng kỳ. Trong khi đó, vốn đăng ký Quý 1 chỉ đạt 8,91 tỷ USD, giảm 12,1%, phản ảnh tình hình dịch bệnh trong nước vẫn đang diễn ra phức tạp khiến cho việc khảo sát thị trường của các nhà đầu tư nước ngoài vẫn đang gặp khó khăn. Do đó, chúng tôi cho rằng FDI sẽ khởi sắc hơn trong những Quý sau, khi dịch bệnh tại Việt Nam thực sự “đi qua”.Xét theo ngành nghề, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 2,19 tỷ USD, chiếm 68,2% tổng vốn đăng ký cấp mới. Xếp thứ hai là hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 599,9 triệu USD, chiếm 18,7%, các ngành còn lại đạt 422,7 triệu USD, chiếm 13,1%.Đối với hoạt động đầu tư công, giải ngân vốn NSNN đang có dấu hiệu chậm lại. Cụ thể, giải ngân vốn NSNN tháng 3 đạt 29,0 nghìn tỷ, tăng 9,1% so với cùng kỳ nhưng thấp hơn 2 tháng trước đó. Mặc dù chính phủ đã có những thông điệp và hành động rõ ràng để đẩy mạnh đầu tư công, song dường như quá trình giải ngân vẫn đang gặp nhiều trở ngại, dòng vốn không thể đổ vào một cách thực sự quyết liệt. Một trong những nguyên nhân có thể kể đến do giá nguyên vật liệu tăng mạnh khiến cho các nhà thầu của các dự án cơ sở hạ tầng đang chậm trễ trong việc triển khai.

**Thị trường chứng khoán:**

Các lĩnh vực của nền kinh tế có xu hướng phục hồi và tăng trưởng, tác động tích cực đến hoạt động của thị trường chứng khoán. Trên thị trường cổ phiếu, giá trị giao dịch bình quân Quý 1 năm 2022 đạt 31.409 tỷ đồng/phiên, tăng 18,1% so với bình quân năm trước. Trên thị trường trái phiếu, giá trị giao dịch bình quân Quý I năm 2022 đạt 13.149 tỷ đồng/phiên, tăng 15,3% so với bình quân năm 2021.Trên thị trường chứng khoán phái sinh, khối lượng giao dịch bình quân Quý 1 năm 2022 của sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt 139.076 hợp đồng/phiên, giảm 26% so với bình quân năm trước; giá trị giao dịch bình quân sản phẩm chứng quyền có bảo đảm đạt 38,42 tỷ đồng/phiên, giảm 46%.

**Thị trường trái phiếu**

Outright: Giá trị giao dịch outright toàn thị trường trong tháng 3 đạt 180.021 tỷ đồng, tăng 31,44% so với tháng 2 (136.962 tỷ đồng). Giá trị giao dịch bình quân trong tháng đạt 7.827 tỷ đồng/phiên, tương ứng tăng 14,29% so với tháng 2 (6.848 tỷ đồng). Tỷ trọng giao dịch vẫn tiếp tục tập trung ở nhóm các kỳ hạn 7-10 năm và 10-15 năm với giá trị giao dịch lần lượt đạt 93.852 tỷ đồng và 38.924 tỷ đồng, tương đương với 52,13% và 21,62%. Khối lượng giao dịch các kỳ hạn dưới 3 năm chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Thị trường sơ cấp: Trong tháng 3, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 8.820 tỷ đồng/28.500 tỷ đồng gọi thầu. Khối lượng trúng thầu tiếp tục ở mức thấp, với tỷ lệ trúng thầu chỉ đạt 30,95% (tháng 2 đạt 46,90%). Kết thúc Quý 1, Kho bạc Nhà nước chỉ hoàn thành 39,32% kế hoạch đấu thầu Quý 1/2022 và 10,32% kế hoạch năm, tương đương với khối lượng phát hành 41.282 tỷ đồng.

Trong tháng 3, khối lượng trúng thầu tiếp tục tập trung ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm, lần lượt chiếm 51,03% và 34,01% tổng khối lượng phát hành.

Lãi suất phát hành: Tiếp nối xu hướng của tháng 2, lãi suất trúng thầu các kỳ hạn nhìn chung tăng dần qua các phiên.



**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 3,74 | N/A | 6,72 |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 0,00 | N/A | 0,00 |
| **Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ** | 3,74 | N/A | 6,72 |
| Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ | 3,75 | N/A | 4,24 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

*N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

● Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2022** | **31/03/2021** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 113.309.776.587 | 109.511.565.627 | 3,47% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 11.324,83 | 10.915,17 | 3,75% |

Trong giai đoạn từ 31/03/2021 đến 31/03/2022 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 3,47% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| *A* | *1* | *2* | *3* |
| Dưới 5.000 | 122 | 35.837,37 | 0,37% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 2 | 10.100,00 | 0,10% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | - | - | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,53% |
| **Tổng cộng** | **125** | **10.006.127,21** | **100,00%** |

**Ghi chú:** *Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V.** **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Chúng tôi dự báo lợi suất trái phiếu sẽ chững lại đà giảm và tăng trở lại trong Quý 2/2022 dựa trên kỳ vọng (1) Nhu cầu đầu tư TPCP nhằm đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn gia tăng theo quy mô tổng tài sản; (2) Chi phí vốn vẫn ở mức thấp trong nửa đầu năm và (3) Tăng trưởng tín dụng và giải ngân đầu tư công dự báo chưa có nhiều đột phá. Tuy nhiên, hoạt động chốt lời và áp lực huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ gia tăng cũng như tăng trưởng tín dụng và đầu tư công được cải thiện có thể sẽ đẩy lợi suất đi lên trong nửa cuối năm tới.

Một số yếu tố khác tác động đến thị trường trái phiếu trong năm 2022:

* Giải ngân vốn đầu tư công và áp lực phát hành trái phiếu Chính phủ: Uớc tính tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hết tháng 3 đạt 11,88% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn so với cùng kỳ 2021 (13,7%). Với kết quả này, áp lực giải ngân sẽ đổ dồn vào những tháng còn lại trong năm. Khi giải ngân được đẩy mạnh, nhiều khả năng KBNN sẽ phải tăng khối lượng phát hành để đáp ứng nhu cầu huy động vốn.
* Chính sách tiền tệ: Năm 2021 Ngân hàng Nhà nước kiên định với chính sách nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy kinh tế hỗ trợ phục hồi sau đại dịch. Tuy vậy, trong bối cảnh lạm phát toàn cầu đang tăng cao, một số quốc gia đã bắt đầu thực hiện chính sách thắt chặt trở lại. Chúng tôi dự báo trong năm nay NHNN có thể sẽ thắt chặt tiền tệ tương tự các quốc gia khác.
* Chính sách tài khóa: Tổng thu NSNN đến ngày 31/12/2021 đạt 1.563,3 nghìn tỷ đồng, vượt 16,4% so với dự toán, tăng 3,7% so với thực hiện năm 2020. Chi NSNN hoàn thành mục tiêu đề ra. Dù còn khó khăn nhưng cả năm, bội chi NSNN thực hiện đạt dưới 4% GDP. Trong bối cảnh các nước trong khu vực đã phải tăng trần nợ công để tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch Covid-19, không gian tài khóa của Việt Nam vẫn còn đủ mạnh để có thể thực hiện thêm các gói hỗ trợ tài khóa bên cạnh các gói chính sách như hiện tại.

Rủi ro biến động động ngoài dự kiến cho mặt bằng lãi suất có thể sẽ đến từ: (i) chiến tranh thương mại Mỹ- Trung Quốc ;(ii) khả năng kiểm soát Covid-19 trên phạm vi toàn cầu (iii) lạm phát do sự tắt nghẽn nguồn cung năng lượng từ chiến tranh Nga- Ucraina.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ CBPF sẽ tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng, hạ thấp tỉ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Bùi Thanh Hiệp | Chủ tịch Công ty | CPA | Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt NamTừ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt NamTừ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VNTừ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt NamTừ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt NamTừ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt NamTừ 06/2019 - 12/2021: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb LifeTừ 12/2021- nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt NamTừ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt NamTừ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

**Ban đại diện quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch  | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu -Công ty Quản lý quỹ Tower MỹTừ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - MỹTừ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt NamTừ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt NamTừ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản ViệtTừ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản ViệtTừ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSCTừ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên  | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam.Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt NamTừ 6/2018 - 2019: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISCTừ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLCTừ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt ĐớiTừ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An GiaTừ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật AvenirTừ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân |

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân | Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông.Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge.Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đinh Thị Hồng Vân | Thành viên | Cử nhân | Từ 09/2011-12/2011: Nhân viên phân tích tài chính – Công ty CP Đầu tư Long Quân.Từ 01/2012-01/2020: Nhân viên phân tích đầu tư - Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Long.Từ 02/2020 – 09/2020: Phó Giám đốc Tài chính – Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV Từ 09/2020 đến nay: Giám sát - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE****Chủ tịch Công ty****Bùi Thanh Hiệp** |